

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi.

Bà Nguyễn Thị Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 38, 39, 107, 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 8 Điều 26; điểm b, c khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 15/ 2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Dương Trung Đ, sinh năm 1994

Địa chỉ: Xóm D, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị Hoàng Thị G và anh Dương Trung Đ thỏa thuận, anh Đ cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng cho chị G là: 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung sau khi ly hôn: Chị G, anh Đ thỏa thuận đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 20G1-299.16, đăng ký mang tên chị Hoàng Thị G (bắt đầu bảo hành ngày 05/11/2015) với giá hiện tại là: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) chia mỗi người $\frac{1}{2}$ tài sản chung, cụ thể: Chị G có trách nhiệm trả cho anh Đ 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Anh Đ có trách nhiệm trả cho chị G chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 20G1-299.16 và đăng ký mang tên chị Hoàng Thị G.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Hoàng Thị G phải chịu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001059 ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P và còn phải nộp tiếp 125.000đ (Một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

+ Anh Dương Trung Đ phải chịu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch và án phí cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sái Đức Trung

